

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 15/12/2017.

“V/v: Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BT viên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện HTB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 5, xã HĐ, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị T:
Ông Đỗ Minh Trú - Luật sư Văn phòng Luật sư Phan Thiết - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Ngô Thanh P – Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 5, xã HĐ, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm L – Sinh năm 1952.

2/ Nguyễn Thị N – sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã HĐ, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- Người kháng cáo:

1/ Bà Phạm Thị T.

2/ Ông Ngô Thanh P

3/ Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/6/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/8/2016 và tại bản khai, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà và ông P tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, do trước đây bà và ông P ai cũng đã có gia đình rồi ly hôn, nên chỉ về chung sống với nhau mà không tổ chức lễ cưới. Sau đó vợ chồng về sống tại nhà của ông P ở xã HĐ. Vợ chồng sống với nhau đến nay đã được gần 08 năm nhưng chỉ hạnh phúc vào thời gian đầu, thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, bởi vì trong cuộc sống hàng ngày ông P muốn đi đâu thì đi làm gì thì làm, có nhiều lần ông P đi qua đêm ăn nhậu với bạn bè về nhà bà nói thì vợ chồng cãi nhau, đến khi bà có thai thì ông P bảo bà phải phá thai. Thời gian gần đây bà đi đám cưới về ông P lăng mạ bà với nhiều từ rất khó nghe, bà cảm thấy bị sỉ nhục nên bà bỏ về nhà chị của bà ở từ tháng 6/2016, trong thời gian này vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề gì. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Tại bản khai ông Ngô Thanh P trình bày: Ông với bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng vẫn chung sống với nhau bình thường, nhưng thời gian gần đây bà T bảo đi ăn đám cưới rồi đi đâu ông không rõ, nhưng ông gọi điện thoại hoài mà bà T không nghe máy, do vậy khi bà T về ông có bức tức nói xúc phạm đến bà T thì bà T bỏ nhà đi. Nay bà T đã đưa đơn đến Tòa yêu cầu ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn gì, ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của bà T, ông P là con rể của ông bà. Diện tích đất có ngôi nhà hiện nay ông bà đang sử dụng thuộc thửa đất có diện tích khoảng 2400m² đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B644056 ngày 22/3/1994 cho hộ gia đình ông, bà theo bình quân nhân khẩu đứng tên Phạm L. Đến năm 2012 do hoàn cảnh gia đình, bà N bị bệnh không có tiền chạy chữa nên

ông, bà phải chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng T, P. Khi chuyển nhượng ông, bà thỏa thuận chỉ bán đất, thanh long xung quanh nhà, còn nhà và đất cất nhà thì ông, bà không bán (việc này chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có giấy tờ thỏa thuận về việc này vì nghĩ cũng là con, là rể của mình hết nên không rõ ràng ở vấn đề này). Ngôi nhà hiện nay ông, bà đang ở là do ông, bà xây dựng từ năm 2006 và sử dụng từ đó cho đến nay. Nay vợ chồng T – P cảm thấy không sống được với nhau thì ly hôn đó là do quyết định của hai con chứ ông, bà không có ý kiến gì. Còn nhà và đất xây nhà hiện nay ông, bà đang sử dụng thì ông, bà sẽ tiếp tục sử dụng vì đất có ngôi nhà đó là đất của ông, bà chứ không liên quan gì đến vợ chồng T, P.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất không có con chung.

Về tài sản: Số tài sản bà T, ông P thống nhất gồm có:

+ Diện tích 2.167,8m² (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trị giá 86.721.000đ.

+ Diện tích 6.931,9 m² thuộc 03 thửa đất số 65, 67, 59 theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821419, CC 821420, CC 821421 tất cả được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh cấp đứng tên ông Ngô Thanh P và Phạm Thị T ngày 21/3/2016. Trị giá là 277.276.000đ.

+ 730 trụ thanh long trồng được 02 năm trên các thửa đất số 65, 67, 59 theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821419, CC 821420, CC 821421 tất cả được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh cấp đứng tên ông Ngô Thanh P, và Phạm Thị T ngày 21/3/2016; Trị giá 156.950.000đ.

+ 01 Bình điện 100KVA, trị giá 148.000.000đ.

Toàn bộ số tài sản trên hiện ông P đang sử dụng. Khi ly hôn bà T, ông P yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

Tài sản vợ chồng không thống nhất gồm:

Bà T cho rằng ngoài các tài sản trên vợ chồng còn có diện tích đất theo đo đạc hiện trạng 2.350,7m² thuộc thửa đất số 594 tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do Ủy ban nhân dân huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long (đang thu hoạch) tài sản này nhận chuyển nhượng từ ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N (Cha mẹ ruột của bà T). Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định phân diện tích đất và tài sản trên đất; trị giá đất là 164.549.000đ; 270 trụ thanh long trị giá 116.100.000đ; nhà cấp 4 trị giá 30.388.320đ; nhà vệ sinh 4.399.200đ.

Ông P cho rằng diện tích đất này cùng 01 ngôi nhà cấp 4, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long (đang cho trái) có trên diện tích đất này là tài sản của riêng ông, ông nhận chuyển nhượng từ bà N, ông L trước khi kết hôn với bà T chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ: Bà T ông P thống nhất không có nợ ai.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 10/8/2017, Tòa án nhân dân huyện HTB đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 50/2017/HNGĐ-ST, quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 59, 62 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Khoản 4 Điều 91, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/Pl – UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án.

Tuyên Xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Ngô Thanh P.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản:

Giao cho ông Ngô Thanh P được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng toàn bộ số tài sản của vợ chồng gồm:

+ Thửa đất số 59 diện tích 2.566.8m² thuộc tờ bản đồ số 73 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821419 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 đứng tên ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị T. Có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất ông P, bà T; Tây giáp: Mương; Nam giáp: Đất ông P, bà T; Bắc giáp: Mương.

+ Thửa đất số 65 diện tích 1.219.9m² thuộc tờ bản đồ số 73 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821420 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 đứng tên ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị T. Có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất ông P, bà T; Tây giáp: Đường bờ; Nam giáp: Đất bà Ngô Thị T; Bắc giáp: Mương.

+ Thửa đất số 67 diện tích 3.145.2m² thuộc tờ bản đồ số 73 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821421 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 đứng tên ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị T. Có vị

trí tứ cận: Đông giáp: Đất bà Nguyễn Thị C; Tây giáp: Đất bà T, ông T; Nam giáp: Đường bờ; Bắc giáp: Đất ông P, bà T.

Có tổng trị giá là 277.276.000đ. Trên đất 03 thửa đất có 730 trụ thanh long, trị giá 156.950.000đ và 01 Bình điện 100KVA, trị giá 148.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 582.226.000đ.

Tạm giao cho ông Ngô Thanh P được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 2.167,8m² (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trị giá 86.721.000đ. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường bờ; Tây giáp: Mương; Nam giáp: Đất ông B, ông H, ông T; Bắc giáp: Mương.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/11/2016 kèm theo).

Ông Ngô Thanh P có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Phạm Thị T số tiền 334.474.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bà Phạm Thị T được nhận tiền chênh lệch chia tài sản do ông Ngô Thanh P hoàn trả số tiền là 334.474.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ông Ngô Thanh P có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T chia thửa đất có diện tích đo đạc hiện trạng 2.350,7m² thuộc thửa đất số 594, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do Ủy ban nhân dân huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long. Tổng trị giá 315.436.500 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp: Đất ông Bùi Minh Q; Tây giáp: Mương; Nam giáp: Mương; Bắc giáp: Đường bê tông.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/11/2016 kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật;
- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.

4/ Về án phí và chi phí định giá, xem xét tại chỗ:

+ Về án phí:

Bà Phạm Thị T phải chịu 100.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 24.609.600đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 24.709.600đ. Bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 12.200.000đ (trong tổng số 24.200.000đ) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0008294 ngày 25/7/2016 và số 0008331 ngày 22/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB. Còn lại số tiền 12.509.600đ bà T phải tiếp tục nộp.

Ông Ngô Thanh P phải chịu 100.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 16.723.700đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 16.823.700đ.

Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí định giá, xem xét tại chỗ:

Bà Phạm Thị T phải chịu 3.522.300đ chi phí xem xét tại chỗ và 1.050.000đ chi phí định giá tài sản. Bà T đã nộp 7.568.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án nhân dân huyện HTB, còn lại số tiền 2.995.700đ do ông P hoàn trả cho bà T.

Ông Ngô Thanh P phải chịu 2.445.700đ chi phí xem xét tại chỗ và 550.000đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng 2.995.700đ để hoàn trả cho bà T.

Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N không phải chịu chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Ngày 22/8/2017 bị đơn ông Ngô Thanh P có đơn kháng cáo không chấp nhận bản án số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện HTB về phân chia tài sản, không đồng ý nhận toàn bộ tài sản 730 trụ thanh long; Yêu cầu giao tài sản 730 trụ thanh long cho bà T để bà T hoàn lại giá trị chênh lệch tài sản cho ông hoặc chia đôi 730 trụ thanh long cho ông và bà T.

Ngày 24/8/2017 nguyên đơn bà Phạm Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo một phần bản án số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện HTB cho rằng Tòa sơ thẩm xét xử không khách quan, toàn diện, đầy đủ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng công nhận thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m² mà UBND huyện HTB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 388473 ngày 29/9/2014 đứng tên

ông Ngô Thanh P và 270 triệu thanh long là tài sản chung của bà T và ông P, riêng phần đất có ngôi nhà cấp 4 và nhà vệ sinh là tài sản của vợ chồng ông L, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T cho rằng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m² mà UBND huyện HTB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 388473 ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P, trên đất có 01 căn nhà cấp 04, 01 nhà vệ sinh và 270 triệu thanh long là tài sản chung của vợ chồng, do bà và ông P chuyển nhượng của cha, mẹ bà là ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N, khi chuyển nhượng ông P và bà đã thỏa thuận cho ông L, bà N tiếp tục sử dụng căn nhà cấp 04 trên đất và sử dụng nhà vệ sinh để ở suốt đời. Việc Tòa sơ thẩm xác định tài sản này là tài sản riêng của ông P đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn ông Ngô Thanh P không thống nhất việc bà T cho rằng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m², đo đạc hiện trạng 2350,7 m² mà UBND huyện HTB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 388473 ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P, trên đất có 01 căn nhà cấp 04, 01 nhà vệ sinh và 270 triệu thanh long là tài sản chung của vợ chồng, đây là tài sản riêng của ông, do ông đứng tên. Ông P đề nghị chia đều tài sản chung của vợ chồng gồm diện tích đất trên 730 triệu thanh long cho ông và bà T, ông không đồng ý nhận toàn bộ tài sản bằng hiện vật để hoàn lại giá trị chênh lệch tài sản cho bà T. Ông P đề nghị giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất cho bà T, không tính giá trị 270 triệu thanh long cho bà T, để bà T hoàn lại chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N cho rằng: Năm 2012 ông sang nhượng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m² cho vợ chồng ông Ngô Thanh P và bà Phạm Thị T. Vợ chồng ông chỉ sang nhượng đất phần đất và 270 triệu thanh long trên đất, không sang nhượng căn nhà cấp 04 trên đất và nhà vệ sinh, vì tại thời điểm sang nhượng vợ chồng ông P đồng ý để cho vợ chồng ông ở trong căn nhà đã có sẵn và sử dụng công trình vệ sinh mà trước đó vợ chồng ông bà đã xây dựng trên phần đất chuyển nhượng suốt đời. Đề nghị ông P giao căn nhà cấp 04 và nhà vệ sinh trên đất đã sang nhượng cho ông bà để ở như đã thỏa thuận.

Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nguồn gốc đất mà bà T tranh chấp là của ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N sang nhượng cho vợ chồng ông P, bà T vào ngày 27/2/2012, thời gian này mặc dù ông P và bà T chưa đăng ký kết hôn, nhưng đã chung sống như vợ chồng. Đề nghị Tòa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo cho bà T, công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m², đo đạc hiện trạng 2350,7 m² mà UBND huyện HTB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 388473 ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P là tài sản chung của vợ chồng, nếu không công nhận là tài sản chung thì phải tính công sức đóng góp cho bà T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L và bà Nguyễn Thị N, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Ngô Thanh P và ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa bản án sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 10/8/2017 của TAND huyện HTB theo hướng công nhận sự tự nguyện của ông Ngô Thanh P để căn nhà diện tích 26,94m², nhà vệ sinh 3,9m² trên đất 2.350,7m² của cá nhân ông P cho ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N tiếp tục ở cho đến lúc chết.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ lời khai của đương sự, kết quả tranh luận và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Ngô Thanh P, quan hệ pháp luật này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[2] Đơn kháng cáo về phần chia tài sản chung vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Ngô Thanh P của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đơn làm trong hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không yêu cầu thương lượng giải quyết vụ án với nhau và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu được ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng, nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ tại xã HĐ, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận, tài sản tranh chấp tọa lạc tại xã HĐ, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân huyện HTB căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nội dung:

Tại hai cấp xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P đều thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất có diện tích 2167,8 m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 03 thửa đất số 65, 67, 59 tổng diện tích 6.931,9 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821419, CC 821420, CC 821421 do Sở Tài nguyên môi trường Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016; Trên đất có 730 trụ thanh long 02 năm tuổi và 01 bình diện 100 KA. Theo bà T ngoài tài sản chung trên vợ chồng bà và ông P có 01 thửa đất số 594, tờ bản đồ số 3, diện tích 2400 m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m², theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do UBND huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P là tài sản chung của vợ chồng. Ông Ngô Thanh P cho rằng diện tích đất trên cùng ngôi nhà cấp 4, nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long là tài sản riêng của cá nhân ông, do ông trực tiếp nhận chuyển nhượng từ ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N là cha mẹ của bà T. Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N cho rằng vợ chồng ông, bà chuyển nhượng cho vợ chồng bà T và ông P, ông, bà chỉ chuyển nhượng đất, thanh long xung quanh nhà, không chuyển nhượng nhà nên căn nhà cấp 4 là của vợ chồng ông bà,

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T; bị đơn ông Ngô Thanh P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N:

[5.1] Đối với kháng cáo của ông Ngô Thanh P về việc không đồng ý nhận toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và 730 trụ thanh long, đề nghị chia đều tài sản trên cho ông và bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Toàn bộ tài sản mà ông P và bà T xác định là tài sản chung của vợ chồng ông P là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay. Hơn nữa, theo Bản trích đo bản đồ vị trí khu đất giữa bà Phạm Thị T với ông Ngô Thanh P tại Thôn 5, xã HĐ, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 11/11/2016 thì 03 thửa đất số 65, 67, 59 tổng diện tích 6.931,9 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821419, CC 821420, CC 821421 do Sở Tài Nguyên Môi Trường Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 và thửa đất theo đo đạc hiện trạng 2167 m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 730 trụ thanh long 02 năm tuổi, 01 bình diện 100 KA liên canh, liên cư với nhau, các thửa đất này chỉ có 01 lối đi duy nhất để ra đường bê tông, muốn đi ra lối đi đường bê tông thì phải đi qua thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03 diện tích 2400m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do UBND huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P mà bà T đang tranh chấp. Vì vậy, nếu chia cho bà T ½ tài sản bằng quyền sử dụng đất và ½ tài sản của 730 trụ thanh long hoặc giao cho bà T toàn quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng thì bà T không có đường để đi ra lối đi chung, bà T không đủ điều kiện thuận lợi để canh tác và sử dụng đối với tài sản được chia và được giao. Do vậy, cấp sơ thẩm đã chia cho ông P sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và hoàn lại cho bà T giá trị chênh lệch tài sản là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông P cho rằng các thửa đất là tài sản chung vợ chồng có 03 lối đi. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại đơn kháng cáo ông P có đề nghị định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên nhận thấy tại Biên bản định giá tài sản ông P đã ký không có ý kiến gì, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm ngày 14/11/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã trực tiếp lấy lời khai của ông P về yêu cầu này, ông P đã thống nhất việc định giá, xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm không yêu cầu định giá và xem xét thẩm định tại chỗ lại, bà T không đồng ý việc ông P trình bày các thửa đất là tài sản chung vợ chồng có 03 lối đi việc Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định là đúng thực tế. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm đã giao toàn bộ tài sản chung cho ông P và

buộc ông P phải hoàn lại giá trị tài sản theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/11/2016 là có căn cứ.

[5.2] Đối với việc kháng cáo của bà Phạm Thị T cho rằng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 3, diện tích 2400 m² (đo đạc hiện trạng 2350,7 m²), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do UBND huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 04, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long là tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông P. Hội đồng xét xử cũng nhận thấy, trong quá trình giải quyết ông P không đồng ý đây là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của ông do ông sang nhượng năm 2012 của ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N. Xét thấy, bà T và ông P chung sống với nhau từ năm 2008 như hai bên thừa nhận, tuy nhiên đến ngày 17/11/2014 bà T và ông P mới đăng ký kết hôn, trước khi hai người chung sống thì cả bà T và ông P đều có gia đình, có con riêng và ly hôn, thời gian hai người chung sống chưa đăng ký kết hôn, hai bên chưa có chứng cứ nào thể hiện 02 người cùng tạo dựng tài sản chung. Hơn nữa, căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 27/02/2012 thì hộ ông Phạm L chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Ngô Thanh P, tại thời điểm chuyển nhượng bà T và ông P chưa đăng ký kết hôn, chưa xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật. Tại văn bản số 478/UBND-NC ngày 06/3/2017 của UBND huyện HTB đã xác định: Thửa đất số 594, tờ bản đồ số 3, diện tích 2400 m² có nguồn gốc là của ông Phạm Lâm, ông Lâm đã được UBND huyện HTB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B644056 ngày 22/3/1994 đứng tên ông Phạm L. Năm 2012 ông L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ngô Thanh P và ông P sử dụng đến nay. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P đối với thửa đất trên là đúng quy định của Luật đất đai; Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P hiện đang lưu giữ là cấp cho cá nhân ông P; Diện tích đất 2400m² đất được cấp đo đạc hiện trạng có diện tích 2350,7 m² có biến động diện tích là do sai số trong đo đạc, nhưng ranh giới ổn định. Tại phiên tòa hôm nay bà T cũng không có chứng cứ nào để chứng minh tại thời điểm năm 2012 bà và ông P cùng mua chung thửa đất và tài sản trên đất của ông L bà N.

Với những căn cứ nêu trên, không có cơ sở để xác định thửa đất số 594, tờ bản đồ số 3, diện tích 2400 m² (đo đạc hiện trạng 2350,7 m²), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do UBND huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 04, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long là tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông P. Việc cấp sơ thẩm xác định tài sản trên là của cá nhân ông Ngô Thanh P có căn cứ. Đề nghị của Luật sư về yêu cầu này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[5.3] Đối với việc kháng cáo của ông Phạm L và bà Nguyễn Thị N về việc vợ chồng ông chỉ sang nhượng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m² và 270 trụ thanh long cho vợ chồng ông Ngô Thanh P và bà Phạm Thị T chứ ông, bà không sang nhượng căn nhà cấp 4 và 01 nhà vệ sinh trên đất cho vợ chồng ông P, bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm chuyển nhượng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² thì trên đất đã có các tài sản là 01 căn nhà cấp 04, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ. Tại phiên tòa phúc

thẩm, bà T, ông L, bà N đều cho rằng khi sang nhượng thửa đất số 594 thì trên đất đã có căn nhà cấp 04 và nhà vệ sinh, các bên có thỏa thuận cho ông L, bà N tiếp tục ở trong căn nhà và sử dụng công trình vệ sinh đến hết đời. Ông P cũng thống nhất cho ông L, bà N ở suốt đời trong căn nhà cấp 04 và sử dụng công trình vệ sinh trên thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 ngày 29/9/2014 do UBND huyện HTB cấp đứng tên ông Ngô Thanh P. Ông L và bà N cũng thống nhất trình bày của ông P. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông Ngô Thanh P và ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N là tự nguyện, cấp phúc thẩm cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Phạm Thị T, ông Ngô Thanh P cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh việc kháng cáo của mình là có căn cứ.

Với cơ sở nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P là không có căn cứ, việc xét xử của Tòa án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện HTB là đúng pháp luật, nghị nên bác việc kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P; Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N, sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Ngô Thanh P và ông Phạm L bà Nguyễn Thị N về việc ông L, bà N được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà cấp 4c có diện tích (3,3 m x 4 m) + (4,35 m x 3,25m) = 26,94m² và nhà vệ sinh có diện tích 3,9 m² trên thửa đất số 594, tờ bản đồ số 03, diện tích 2400m² đo đạc hiện trạng 2350,7 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 ngày 29/9/2014 do UBND huyện HTB cấp đứng tên ông Ngô Thanh P đến khi ông L, bà N chết. Việc sửa án này không phải là lỗi của cấp sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Ngô Thanh P. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N, sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Ngô Thanh P và ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N.

2. Áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 59, 62 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70,

Khoản 4 Điều 91, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án.

3. Tuyên Xử:

- Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Ngô Thanh P.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản:

Giao cho ông Ngô Thanh P được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng toàn bộ số tài sản của vợ chồng gồm:

+ Thửa đất số 59 diện tích 2.566.8m² thuộc tờ bản đồ số 73 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821419 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 đứng tên ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị T. Có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất ông P, bà T; Tây giáp: Mương; Nam giáp: Đất ông P, bà T; Bắc giáp: Mương.

+ Thửa đất số 65 diện tích 1.219.9m² thuộc tờ bản đồ số 73 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821420 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 đứng tên ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị T. Có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất ông P, bà T; Tây giáp: Đường bờ; Nam giáp: Đất bà Ngô Thị T; Bắc giáp: Mương.

+ Thửa đất số 67 diện tích 3.145.2m² thuộc tờ bản đồ số 73 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 821421 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/3/2016 đứng tên ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị T. Có vị trí tứ cận: Đông giáp: Đất bà Nguyễn Thị C; Tây giáp: Đất bà T, ông T; Nam giáp: Đường bờ; Bắc giáp: Đất ông P, bà T.

Có tổng trị giá là 277.276.000đ. Trên đất 03 thửa đất có 730 trụ thanh long, trị giá 156.950.000đ và 01 Bình điện 100KVA, trị giá 148.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 582.226.000đ.

Tạm giao cho ông Ngô Thanh P được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 2.167,8m² (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trị giá 86.721.000đ. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường bờ; Tây giáp: Mương; Nam giáp: Đất ông B, ông H, ông T; Bắc giáp: Mương.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/11/2016 kèm theo).

Ông Ngô Thanh P có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Phạm Thị T số tiền 334.474.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bà Phạm Thị T được nhận tiền chênh lệch chia tài sản do ông Ngô Thanh P hoàn trả số tiền là 334.474.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ông Ngô Thanh P có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T chia thửa đất có diện tích đo đạc hiện trạng 2.350,7m² thuộc thửa đất số 594, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 388473 do Ủy ban nhân dân huyện HTB cấp ngày 29/9/2014 đứng tên ông Ngô Thanh P. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 nhà vệ sinh và 270 trụ thanh long. Tổng trị giá 315.436.500 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp: Đất ông Bùi Minh Q; Tây giáp: Mương; Nam giáp: Mương; Bắc giáp: Đường bê tông.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/11/2016 kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau: Theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.

4/ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Ngô Thanh P và ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N. Ông L, bà N được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà cấp 4c có diện tích (3,3 m x 4 m) + (4,35 m x 3,25m) = 26,94 m² và nhà vệ sinh có diện tích 3,9 m² theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2016 gắn liền với diện tích đất của căn nhà cấp 4c và nhà vệ sinh đến khi ông L, bà N chết. Ông P được quyền sử dụng đất và toàn bộ căn nhà cấp 4c có diện tích (3,3 m x 4 m) + (4,35 m x 3,25m) = 26,94m² và nhà vệ sinh có diện tích 3,9 m² sau khi ông L, bà N chết.

5/ Về án phí và chi phí định giá, xem xét tại chỗ:

+ Về án phí:

Bà Phạm Thị T phải chịu 100.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 24.609.600đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 24.709.600đ. Bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 12.200.000đ (trong tổng số 24.200.000đ) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0008294 ngày 25/7/2016 và số 0008331 ngày 22/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB. Còn lại số tiền 12.509.600đ bà T phải tiếp tục nộp.

Ông Ngô Thanh P phải chịu 100.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 16.723.700đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 16.823.700đ.

Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí định giá, xem xét tại chỗ:

Bà Phạm Thị T phải chịu 3.522.300đ chi phí xem xét tại chỗ và 1.050.000đ chi phí định giá tài sản. Bà T đã nộp 7.568.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án nhân dân huyện HTB, còn lại số tiền 2.995.700đ do ông P hoàn trả cho bà T.

Ông Ngô Thanh P phải chịu 2.445.700đ chi phí xem xét tại chỗ và 550.000đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng 2.995.700đ để hoàn trả cho bà T.

Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N không phải chịu chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị T, ông Ngô Thanh P, ông Phạm L, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Ngô Thanh P; Bà Phạm Thị T mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0014558 ngày 25/8/2017 và số 0014565 ngày 29/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HTB.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/12/2017)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện HTB;
- THADS huyện HTB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Giàu